

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 328/2019/HC-PT

Ngày: 21/11/2019

*V/v: Khiếu nại về hành vi hành chính  
và yêu cầu bồi thường hỗ trợ khi thu  
hồi đất*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

***Thư ký Toà án:*** Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:*** Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 118/2019/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2019 về “Khiếu nại về hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm 04/2019/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10299/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1955 và bà Lê Thị C, sinh năm 1954; địa chỉ: Số nhà 30, đường Đức M, khu 5, phường T, thành phố H, tỉnh H. Bà C uỷ quyền cho ông Đ (Giấy uỷ quyền ngày 07/10/2019); ông Đ có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Vũ Tiến P - Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hồ Đ – Phó Chủ tịch UBND thành phố H (Giấy uỷ quyền ngày 23/9/2019); vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền , lợi ích hợp pháp của UBND thành phố H: Ông

Đặng Vũ S - Giám đốc Ban giải phóng mặt bằng thành phố H; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Gia đình ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C được giao đất canh tác và nhận chuyển nhượng của các hộ dân với tổng diện tích 6.472m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tại phường Thanh B, thành phố H, tỉnh H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số 1399 QSDĐ/HD ngày 19/11/1998 diện tích 1.012m<sup>2</sup>, GCNQSD đất số 80 QSDĐ/HD ngày 29/01/2003 diện tích 2.081m<sup>2</sup> và GCNQSD đất số 52 QSDĐ/HD ngày 27/5/2004 diện tích 3.379m<sup>2</sup>.

Ngày 29/01/2008, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 380/QĐ-UBND về việc thu hồi 104.743,60m<sup>2</sup> đất tại địa bàn thành phố H, giao bổ sung cho Công ty Thương mại và du lịch N để xây dựng Khu Thương mại-Du lịch-Văn hóa và đô thị mới phía Tây thành phố H. Trong đó, gia đình ông Đ, bà C bị thu hồi 19 thửa đất, tổng diện tích bị thu hồi là 4.916m<sup>2</sup>; bà C đứng tên kê khai 07 thửa, ông Phạm V đứng tên kê khai hộ 12 thửa.

Ngày 27/8/2008, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3083/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất để xây dựng mở rộng Khu đô thị mới phía Tây thành phố H (đợt 1). Theo đó, hộ gia đình ông Đ, bà C bị thu hồi 4.916m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tại phường Thanh B được bồi thường, hỗ trợ cụ thể như sau:

- Bồi thường về đất nông nghiệp:  $4.916\text{m}^2 \times 60.000\text{đ}/\text{m}^2 = 294.960.000\text{đ}$ .
- Bồi thường tài sản trên đất: 206.031.000đ (phần bà Lê Thị C đứng tên kê khai) và 221.191.000đ (phần ông Phạm V đứng tên kê khai).
- Hỗ trợ ổn định đời sống:  $4.196\text{m}^2 \times 7.000\text{đ}/\text{m}^2 = 34.412.000\text{đ}$ .

Ngày 06/02/2013, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 399/QĐ-UBND về việc phê duyệt mức hỗ trợ 30% giá đất ở trung bình khu vực khi thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình tại một số phường thuộc thành phố H năm 2013, trong đó có phường Thanh B là 660.000đ/m<sup>2</sup>.

Ngày 09/7/2013, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1276/QĐ-UBND phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho 18 hộ thuộc diện GPMB dự án, trong đó có gia đình ông Đ, bà C. Theo đó, gia đình ông Đ, bà C được hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư đối với diện tích 1.000m<sup>2</sup> là:  $1000\text{m}^2 \times 660.000\text{đ}/\text{m}^2 = 660.000.000\text{đ}$ .

Không nhất trí với phương án bồi thường, hỗ trợ trên, ông Đ có đơn khiếu nại đến UBND thành phố H; Ban giải phóng mặt bằng thành phố H đã có Văn bản số 153/CV-GPMB ngày 15/7/2016 và Văn bản số 134/CV-GPMB ngày 09/5/2017 trả lời đơn khiếu nại của ông Đ. Ông Đ không đồng ý và tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố H ngày 25/10/2017.

Ngày 15/12/2017, ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh H đối với hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông và phương án bồi

thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố H khi thu hồi đất của gia đình ông. Ông Đ, bà C yêu cầu được giải quyết:

1. Được hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường bằng 30% giá đất ở đối với diện tích  $3.916\text{m}^2$  còn lại theo khoản 1 Điều 43 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

2. Bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất;

3. Hỗ trợ ổn định đời sống trong 6 tháng theo nhân khẩu với mức hỗ trợ cho một nhân khẩu tính bằng tiền tương đương 30kg gạo/tháng theo Điều 28 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004, điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

4. Bồi thường giá trị tài sản, kiến trúc trên đất bị thu hồi nhân thêm hệ số 0,5 để đủ hệ số 1,5 theo bảng tính ngày 25/02/2008 =  $182.332.000\text{đ} \times 0,5 = 91.116.000\text{đ}$  và tiền lãi chậm trả 9 năm theo lãi suất ngân hàng;

5. Đề nghị được mua lại  $300\text{m}^2$  đất để làm nhà xưởng.

Ngày 15/5/2018, ông Đ có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung: Đề nghị UBND thành phố H bồi thường 12.000.000 đồng tiền công đi lại trong thời gian 10 năm đi khiếu nại và kiến nghị UBND tỉnh H xử lý trách nhiệm, kỷ luật đối với Chủ tịch UBND thành phố H đã cố tình kéo dài 10 năm không giải quyết khiếu nại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 25/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Đ, bà Lê Thị C: Buộc UBND thành phố H phải trả tiền bồi thường cho gia đình ông Đ hạng mục đáy bể nuôi ba ba theo bảng tính ngày 25/02/2018:  $30.107.000\text{đ} \times 1,5 \text{ lần} = 45.160.000\text{đ} \times 70\% = 31.612.000\text{đ}$ .

2. Không chấp nhận các yêu cầu khác của người khởi kiện bao gồm:

- Yêu cầu hỗ trợ 30% giá trị đất bị thu còn lại  $3.196\text{m}^2$ .
- Tiền lãi đối với khoản tiền 36.251.000đ tiền bồi thường hỗ trợ nhưng gia đình không nhận; BGPMB đang tạm gửi tại kho bạc Nhà nước.
- Bồi thường 12.000.000đ trong 10 năm thực hiện việc khiếu nại.
- Tiền hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất.
- Yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản vật kiến trúc trên diện tích chuyển đổi.

3. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh H xem xét trách nhiệm không giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu được mua lại  $300\text{m}^2$  đất tại dự án do người khởi kiện rút yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29/01/2019, ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C có đơn kháng cáo, nội dung: Vợ chồng ông xin nhận số tiền 31.612.000đ và 36.251.000đ bản án hành chính sơ đã tuyên. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết: Yêu cầu bồi thường số tiền bị cắt bớt 30% theo bảng tính toán giá trị bồi thường GPMB lần đầu tiên lập ngày 25/02/2008, với số tiền phải bồi thường nốt là 79.710.000đ cho đủ 100%. Yêu cầu tính hỗ trợ 30% theo giá đất ở liền kề đối với diện tích 3.916m<sup>2</sup>. Yêu cầu hỗ trợ thêm số tiền theo hệ số 1,5 với số tiền là 13.548.000đ. Yêu cầu bồi thường 12.000.000đ trong 10 năm thực hiện việc khiếu nại. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh H xem xét trách nhiệm không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Đức Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Yêu cầu tính hỗ trợ 30% theo giá đất ở liền kề đối với diện tích 3.916m<sup>2</sup>. Yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản vật kiến trúc trên diện tích đất chuyển đổi. Yêu cầu bồi thường giá trị tài sản, vật kiến trúc trên đất đủ hệ số 1,5 theo bảng tính ngày 25/02/2008. Yêu cầu hỗ trợ, ổn định đời sống khi thu hồi đất. Ông Đ rút yêu cầu kháng cáo tính lãi số tiền 36.251.000đ và rút yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000đ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND thành phố H: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu tính hỗ trợ 30% theo giá đất ở liền kề đối với diện tích 3.916m<sup>2</sup> Toà án cấp sơ thẩm xử là có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông Đ. Về yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản, bồi thường giá trị tài sản, vật kiến trúc đã được Toà án cấp sơ thẩm tính đủ theo hệ số 1,5 theo bảng tính ngày 25/02/2008. Ông Đ rút yêu cầu kháng cáo tính lãi số tiền 36.251.000đ và rút yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000đ; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 02 yêu cầu này của ông Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh H đối với hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông Đ và phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố H khi thu hồi đất của gia đình ông Đ. Yêu cầu được hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường

bằng 30% giá đất ở đối với diện tích 3.916m<sup>2</sup>. Bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất. Hỗ trợ ổn định đời sống trong 6 tháng theo nhân khẩu với mức hỗ trợ cho một nhân khẩu tính bằng tiền tương đương 30kg gạo/tháng. Bồi thường giá trị tài sản, kiến trúc trên đất bị thu hồi nhân thêm hệ số 0,5 để đủ hệ số 1,5 theo bảng tính ngày 25/02/2008 = 182.332.000đ x 0,5 = 91.116.000đ và tiền lãi chậm trả 9 năm theo lãi suất ngân hàng. Đề nghị được mua lại 300m<sup>2</sup> đất để làm nhà xưởng. Đề nghị UBND thành phố H bồi thường 12.000.000đ tiền công đi lại trong thời gian 10 năm đi khiếu nại và kiến nghị UBND tỉnh H xử lý trách nhiệm, kỷ luật đối với Chủ tịch UBND thành phố H đã cố tình kéo dài 10 năm không giải quyết khiếu nại. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu được hỗ trợ 30% đất ở đối với 3.916m<sup>2</sup> đất nông nghiệp còn lại bị thu hồi, với giá 660.000đ/m<sup>2</sup> = 2.584.560.000đ: Đất nông nghiệp gia đình ông Đ bị thu hồi thuộc địa giới phường Thanh B, do vậy được hỗ trợ 30% giá đất ở theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; chứ không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 Nghị định số 84/NĐ-CP thì diện tích được hỗ trợ là toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trong phạm vi địa giới hành chính phường.

Theo Công văn số 847/UBND-KT ngày 27/6/2008 của UBND tỉnh H về việc bổ sung điều chỉnh một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H, có nội dung hướng dẫn tại điểm b mục 1 “Về hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi địa giới hành chính phường thuộc thành phố H: Ngoài việc bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp cùng mục đích sử dụng, được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở liền kề”.

Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 Nghị định số 84/NĐ-CP và hướng dẫn tại điểm b mục 1 Văn bản số 847/UBND-KT của UBND tỉnh H nêu trên thì gia đình ông Đ được hỗ trợ 30% giá đất ở đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi. Gia đình ông Đ đã bị thu hồi đất từ ngày 29/3/2007, đến 07/7/2008 khi lập phương án bồi thường Hội đồng giải phóng mặt bằng UBND thành phố H đã không tính toán hỗ trợ cho gia đình ông Đ ngay tại thời điểm đó là không phù hợp.

Tại Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 27/8/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để xây dựng mở rộng Khu đô thị mới phía Tây thành phố H (đợt 1) đã quyết định “Đối với khoản hỗ trợ bằng 30% giá đất ở liền kề khi thu hồi đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b mục 1 Công văn 847/UBND-KT

của UBND tỉnh được phép lập và thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt ở đợt sau” nhưng sau đó không được lập ngay mà đến ngày 10/4/2013 mới lập phương án bồi thường và ngày 09/7/2013, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1276/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung cho 18 hộ thuộc diện GPMB dự án, trong đó có hộ ông Đ, diện tích hỗ trợ là 1.000m<sup>2</sup>. Quyết định số 1276/QĐ-UBND đã căn cứ Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, Quyết định số 40/2009/QĐ-UBND ngày 15/12/2009 của UBND tỉnh, Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 của UBND tỉnh H làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ gia đình ông Đ. Xét thấy, đất nông nghiệp của gia đình ông Đ bị thu hồi từ ngày 29/3/2007 nhưng do cơ quan có thẩm quyền không lập kịp thời, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông Đ nên cần áp dụng các văn bản có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất để lập phương án hỗ trợ (Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/01/2008 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên môi trường, Công văn số 847/UBND-KT ngày 27/6/2008 của UBND tỉnh H). Do vậy, chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà C về yêu cầu lập phương án hỗ trợ 30% giá đất ở đối với diện tích 3.916m<sup>2</sup> đất nông nghiệp bị thu hồi.

[2.2] Về yêu cầu tính 100% tài sản do đã được Chủ tịch UBND thành phố H ký giấy phép lập trang trại ngày 24/9/2002 liên quan đến phương án bồi thường hỗ trợ (phần tài sản do ông Hùng đứng tên kê khai); yêu cầu tính lãi chậm trả 10 năm theo lãi suất của Ngân hàng; phương án bồi thường tại hai bảng tính do Ban GPMB lập ngày 25/02/2008 và ngày 07/7/2008: Phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình ông Đ đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 27/8/2008, trong đó đã bao gồm cả hệ số tăng thêm 1,5 lần theo Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 của UBND tỉnh với tổng số tiền nguyên giá là 315.987.000đ. Tài liệu do ông Đ cung cấp liên quan đến đất chuyển đổi mục đích sử dụng duy nhất một tờ “Đơn đề nghị” nội dung gia đình có một số thửa gần khu dân cư xin chuyển sang làm trang trại VAC, đào ao, lập vườn... có chữ ký của Chủ tịch UBND phường và Chủ tịch UBND thành phố ngày 24/4/2002. Theo Thông tư liên tịch số 69/2000/TTLT-BNN-TCTK ngày 23/6/2000 hướng dẫn tiêu chí để xác định kinh tế trang trại; Quyết định số 735/2002/QĐ-UB ngày 21/3/2002 ban hành quy định tạm thời về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại thì gia đình ông Đ chưa đủ điều kiện để được bồi thường hỗ trợ 100% giá trị. Nên Ban GPMB áp dụng mức hỗ trợ bằng 70% đơn giá ( $70\% \times 315.987.000$ ) = 221.191.000đ. Gia đình ông Đ đã nhận 184.940.000đ, còn lại 36.251.000đ; Ban GPMB đã vận động nhưng gia đình ông Đ không nhận nên đã gửi tại Kho bạc theo quy định tại khoản 3 Điều 93 Luật Đất đai 2013. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà C phương án bồi thường về tài sản trên đất do Ban GPMB lập thì tại bảng tính ngày 25/02/2008 (Phương án bồi

thường ngày 25/02/2008 mang tên ông V) từ đó đã buộc UBND thành phố H phải trả tiền bồi thường cho gia đình ông Đ hạng mục đáy bể nuôi ba ba theo bảng tính ngày 24/02/2018 = 30.107.000đ x 1,5 lần = 45.160.000đ x 70% = 31.612.000đ là có căn cứ. Nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

[2.3] Về đề nghị hỗ trợ ổn định đời sống khi bị thu hồi đất: Tổng diện tích đất thu hồi của gia đình ông Đ 4.916m<sup>2</sup> (trên 70% diện tích đất nông nghiệp). Theo Điều 17 Quyết định số 1795/2005 của UBND tỉnh H hướng dẫn áp dụng Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, theo đó UBND tỉnh H quy định mức hỗ trợ được tính bình quân trên 1m<sup>2</sup> = 7.000đ/m<sup>2</sup> và gia đình ông Đ đã nhận đủ 4.916m<sup>2</sup> x 7000đ/m<sup>2</sup> = 34.412.000đ theo bảng tính toán hỗ trợ ngày 05/6/2007, ngày 28/3/2000 và ngày 10/4/2013. Như vậy, quyền lợi của gia đình ông Đ đã được bảo đảm, nên yêu cầu kháng cáo này của ông Đ không được chấp nhận.

[2.4] Về kháng cáo yêu cầu bồi thường 12.000.000đ trong 10 năm thực hiện khiếu nại: Tại phiên toà phúc thẩm ông Đ đã rút yêu cầu kháng cáo; do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

[2.5] Về kháng cáo yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 36.251.000đ: Tại phiên toà phúc thẩm ông Đ đã rút yêu cầu kháng cáo; do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

[2.6] Đối với yêu cầu được mua 300m<sup>2</sup> tại dự án, nội dung này ông Đ đã rút yêu cầu, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng quy định.

[2.7] Về kháng cáo kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh H xem xét trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố H không giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh H thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm. UBND thành phố H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2018/HC-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C: Buộc UBND thành phố H phải trả tiền bồi thường cho gia đình ông Đ hạng mục đáy bể nuôi ba ba theo bảng tính ngày 24/02/2018 = 30.107.000đ x 1,5 lần = 45.160.000đ x 70% = 31.612.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện được hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường bằng 30% giá trị đất bị thu còn lại 3.916m<sup>2</sup> đất.

3. Không chấp nhận các yêu cầu của ông Đ và bà C bao gồm:

- Tiền hỗ trợ ổn định đời sống khi thu hồi đất.
- Yêu cầu bồi thường 100% giá trị tài sản vật kiến trúc trên diện tích chuyển đổi.

4. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh H xem xét trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố H không giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C theo quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu tính tiền lãi đối với khoản tiền 36.251.000đ tiền bồi thường hỗ trợ Ban GPMB đang tạm gửi tại kho bạc Nhà nước.

6. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu bồi thường 12.000.000đ trong 10 năm thực hiện việc khiếu nại.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu được mua lại 300m<sup>2</sup> đất tại dự án do người khởi kiện rút yêu cầu.

8. Về án phí: Ông Nguyễn Đức Đ và bà Lê Thị C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003192 ngày 06/3/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

UBND thành phố H phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh H;
- TAND tỉnh H ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thúy Bình**